

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-11-2018

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3632/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tâm Th; nơi cư trú: Xóm M, xã PL, huyện TN, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh P; nơi cư trú: Hàn Quốc, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai nguyên đơn là chị Phạm Thị Tâm Th trình bày: Thông qua sự giới thiệu của một người bạn chị và anh P đã đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn theo phong tục cưới hỏi tại Việt Nam, anh P đã mang giấy tờ về đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 30 tháng 5 năm 2016 và đón chị Phạm Thị Tâm Th sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cả hai cũng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Mặt khác anh P đi làm suốt ngày không quan tâm đến chị Th, do chán nản chị Th đã bỏ ra ngoài sống và ở nhờ nhà của một người bạn bên Hàn Quốc cho đến cuối năm 2017 chị Th về Việt Nam và từ đó giữa chị và anh P không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị Th xác định tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Tuy nhiên, do chị và anh P không thực hiện việc ghi chú kết hôn tại Việt

Nam nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh P là vợ chồng. Giữa chị và anh P không có con chung, tài sản chung.

Trong đơn xin ly hôn gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh P trình bày: Anh thống nhất với chị Phạm Thị Tâm Th về quá trình kết hôn, về con chung, tài sản chung và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn . Đến nay anh cũng xác định mục đích hôn nhân với chị Th không đạt được và anh cũng đề nghị cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Tâm Th.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị Tâm Th có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai và chị Th cũng khai nhận giữa chị và anh P chưa có việc ghi chú kết hôn tại Việt Nam nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để chị được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh P. Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Chị Phạm Thị Tâm Th và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp ngày 30 tháng 5 năm 2016 nhưng chưa thực hiện việc ghi chú tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại Điều 125 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 1 Điều 34 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch . Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình , khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao , Viện Kiểm sát nhân dân tối cao , Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tâm Th và anh P không có giá trị pháp lý nên không được công nhận.

[1.2] Anh P hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh P đang sinh sống ở nước ngoài, tài liệu của anh gửi về đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc hợp pháp hóa đồng thời anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Phạm Thị Tâm Th nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh . Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của anh P thống nhất với lời khai của chị Phạm Thị Tâm Th về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Phạm Thị Tâm Th và anh P có mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, về quan điểm. Cuộc sống giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, do vậy tình cảm vợ chồng không gắn kết, ngày càng phai nhạt. Hiện cả

chị Phạm Thị Tâm Th và anh P không còn liên lạc với nhau ai chỉ biết bốn phần của người đó. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy việc chị Phạm Thị Tâm Th đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân của Phạm Tâm Th và anh P là hoàn toàn chính đáng cần căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Tâm Th và anh P.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Chị Phạm Thị Tâm Th và anh P khai thống nhất không có con chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Tâm Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Phạm Thị Tâm Th và anh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 125 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tâm Th và anh P là vợ chồng.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Chị Phạm Thị Tâm Th, anh P không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Tâm Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010892 ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Tâm Th đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Phạm Thị Tâm Th được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh P được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

